

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

“Dự thảo”

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số /TTr-SLĐTBXH ngày tháng 11 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định mức đóng góp, chi hỗ trợ thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
2. Người nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.
3. Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.
4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 3. Hỗ trợ thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ tiền ăn hàng tháng bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch được hỗ trợ tiền ăn tăng thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán được hỗ trợ tăng thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.
2. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.
3. Chi phí mai táng: Tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
4. Hỗ trợ 01 (một) bộ quần áo thông thường (nếu họ không có) đối với người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trở về địa phương cư trú: Mức chi theo giá thực tế nhưng không quá 400.000 đồng/bộ/người.

Điều 4. Hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện bằng 0,7 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch được hỗ trợ tiền ăn tăng thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán được hỗ trợ tăng thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo

chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) của người cai nghiện bằng 0,7 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

3. Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 5. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh

Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ quy định, người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí còn lại như sau:

- a) Điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.
- b) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất 400.000 đồng/người/lần hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện.
- c) Phục vụ, quản lý 500.000 đồng/người/lần hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện.
- d) Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao: 100.000 đồng/người/năm.

Điều 6. Hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Mức chi hỗ trợ bằng mức lương cơ sở hiện hành (*thực hiện theo điểm b Khoản 4 Điều 34*).

Điều 7. Mức hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã

Mức hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã là 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 8. Các nội dung không quy định trong Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; Thông tư số 62/2022/TT-BTC và các văn bản khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu

để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2023. Thay thế Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh;

2. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 10. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Các Bộ: Lao động-TB&XH; Tài chính
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan;
- Lãnh đạo + CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K20.